TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 22-5-2025
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Bà Ngô Thị Lắm.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Võ Lâm Sơn;

2. Bà Phan Thị Nga.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Huỳnh Trọng Khiêm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Kiều Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 218/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2025 về việc "tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 243/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 233/2025/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1982; địa chỉ thường trú: số nhà A, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; địa chỉ liên lạc: số E, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; có mặt.

Bị đơn: Ông Trần Trung V, sinh năm 1980; địa chỉ: số nhà A, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày*:

Bà N1 và ông V chung sống với nhau vào năm 1999, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh được 02 con chung tên Trần Văn P, sinh năm 2001 và Trần Văn L, sinh ngày 08/3/2013. Hiện tại, cháu P đã thành niên, cháu L đang sống cùng với bà N1.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông V không quan tâm đến vợ, con, chồng có hành vi bạo lực gia đình, thường xuyên nhậu cùng với bạn bè. Mâu thuẫn có trình báo địa phương nhưng không giải quyết. Bà N1 và ông V không còn sống chung với nhau từ đầu tháng 3/2024 đến nay. Vào khoảng 10/2024, bà N1 có nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng đã cho cơ hội hàn gắn nên rút đơn khởi kiện lại. Tuy nhiên, ông V vẫn không thay đổi tính tình.

Nhận thấy tình cảm không còn nên bà N1 yêu cầu ly hôn với ông V; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết đối với cháu P do đã thành niên, yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu L, ông V không cấp dưỡng nuôi dạy con chung; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là Tờ tự khai của bà Nguyễn Thị N; Giấy khai sinh Trần Văn P, Trần Văn L (bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao).

- Bị đơn ông Trần Trung V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N giữ nguyên ý kiến trình bày như trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề xuất: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị N đối với ông Trần Trung V; bà N được tiếp tục chăm sóc,

nuôi dưỡng con chung tên Trần Văn L, ông V không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Trung V, ông Vũ cư T trên địa bàn huyện C. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Trần Trung V đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông V theo quy định khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị N khai, bà N và ông V do quen biết, tìm hiểu nhau và kết hôn với nhau vào năm 1999, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C nên quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông V là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà Nguyệt xác định, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chồng không quan tâm đến vợ con, có hành bạo lực gia đình và không còn sống chung với nhau từ tháng 3/2024 cho đến nay. Bên cạnh đó, hai con chung của bà N và ông V cũng xác định, ông V thường xuyên nhậu cùng bạn bè, kiếm chuyện gây gỗ và đánh bà N.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, bà N và ông V bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên xảy ra cãi vã nhau, ông V không quan tâm đến vợ con, thường xuyên đi nhậu cùng bạn bè và không còn sống chung từ tháng 3/2024 đến nay. Bên cạnh đó, Tòa án đã tống V hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho ông V nhưng ông V không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà N. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà N và ông V là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không V được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông V theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà Nguyệt xác định, trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 02 con chung tên Trần Văn P, sinh năm 2001 và Trần Văn L, sinh ngày 08/3/2013. Bà N1 không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết đối với con chung Trần Văn P do đã thành niên, yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Văn L.

Xét thấy, cháu L đang được bà N1 chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển tốt về thể chất và tinh thần, được tạo điều kiện được học hành. Mặt khác, cháu L có nguyện vọng ở cùng với bà N1 sau khi cha mẹ ly hôn. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung, giúp con chung phát triển tốt về thể chất, tinh thần, Hội đồng xét xử giao cháu L cho bà N1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, bà N1 không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi dạy con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N1 không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyệt phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông V không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Trần Trung V.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết đối với cháu Trần Văn P, sinh năm 2001 do đã thành niên; bà N được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trần Văn L, sinh ngày 08/3/2013. Ông Trần Trung V không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Bà Nguyễn Thị N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Trần Trung V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

2. Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0024222 do Chi

cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 05 tháng 3 năm 2025; bà Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí.

Ông Trần Trung V không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bà Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của ông Trần Trung V là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- Các đương sự;
- UBND xã Long Kiến (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Lắm